

BÁO CÁO

Định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp
PERIODIC REPORT ON CORPORATE BOND'S PRINCIPAL AND INTEREST PAYMENTS

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

To:

- The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

I. Báo cáo tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu/Report on bond principal and interest payments

(Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026)/Reporting period from 01/01/2026 to 30/06/2026

TT No	Mã trái phiếu/ Bond Code	Kỳ hạn Period	Ngày phát hành Issue date	Ngày đáo hạn Maturity	Số dư đầu kỳ Opening balance		Thanh toán trong kỳ Payment during the period		Dư nợ cuối kỳ Closing balance	
					Gốc Principal	Lãi Interest	Gốc Principal	Lãi Interest	Gốc Principal	Lãi Interest
1	VAB125020	1 năm/ one year	13/08/2025	13/08/2032	0	0	0	0	0	0
2	VAB125029	1 năm/ one year	14/10/2025	14/10/2032	0	0	0	0	0	0
3	VAB125034	1 năm/ one year	12/12/2025	12/12/2032	0	0	0	0	0	0

Ghi chú: Trường hợp không thanh toán được, nêu rõ lý do

Note: in case of default, State the reasons

II Báo cáo tình hình nắm giữ trái phiếu theo nhà đầu tư/Report on bond ownership according to the type of investors

(Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026)/Reporting period from 01/01/2026 to 30/06/2026

Loại Nhà đầu tư Type of investors	Dư nợ đầu kỳ Opening balance		Thay đổi trong kỳ Changes during the period		Dư nợ cuối kỳ Closing balance	
	Giá trị Value	Tỷ trọng Percentage	Giá trị Value	Tỷ trọng Percentage	Giá trị (VNĐ) Value	Tỷ trọng (%)Percentage
I. Nhà đầu tư trong nước/Domestic investors	691,630,500,000	100	(464,700,000)	(0.07)	691,165,800,000	99.93
1. Nhà đầu tư có tổ chức/Institutional investors	387,358,000,000	56.01	(53,045,000,000)	(7.67)	334,313,000,000	48.34
a) Tổ chức tín dụng*/Credit institutions	200,000,000,000	28.92	0	-	200,000,000,000	28.92
b) Quỹ đầu tư /Investment funds			0	-		

Loại Nhà đầu tư Type of investors	Dư nợ đầu kỳ Opening balance		Thay đổi trong kỳ Changes during the period		Dư nợ cuối kỳ Closing balance	
	Giá trị Value	Tỷ trọng Percentage	Giá trị Value	Tỷ trọng Percentage	Giá trị (VNĐ) Value	Tỷ trọng (%) Percentage
c) Công ty chứng khoán /Securities companies			23,455,000,000	3.39	23,455,000,000	3.39
d) Công ty Bảo hiểm /Insurance companies	45,783,700,000	6.62	0	-	45,783,700,000	6.62
đ) Các tổ chức khác/Other organisations	141,574,300,000	20.47	-76,500,000,000	(11.06)	65,074,300,000	9.41
2. Nhà đầu tư cá nhân /Individual investors	304,272,500,000	43.99	52,580,300,000	7.61	356,852,800,000	51.60
II. Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investors			464,700,000	0.07	464,700,000	0.07
1. Nhà đầu tư có tổ chức /Institutional investors						
a) Tổ chức tín dụng/ Credit institutions						
b) Quỹ đầu tư/Investment funds						
c) Công ty chứng khoán/ Securities companies						
d) Công ty Bảo hiểm /Insurance companies						
đ) Các tổ chức khác/Other organisations						
2. Nhà đầu tư cá Nhân /Individual investors			464,700,000	0.07	464,700,000.00	0.07
Tổng/ Total	691,630,500,000	100			691,630,500,000	100

* Tổ chức tín dụng bao gồm: ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân/Credit institutions include: commercial banks, finance companies, financial leasing companies, microfinance institutions, people's credit funds.

Nơi nhận/Recipients:

- Như kính gửi/ as addressed to
- Lưu KT, HC

XÁC NHẬN ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC
PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU/ CONFIRMATION BY THE LEGAL

REPRESENTATIVE OF THE BOND ISSUER

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Sign, full name and seal)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Trọng